

Bản án số: 58/2026/HSST
Ngày 15/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hữu Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2026/TLST-HS ngày 16/3/2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-HS ngày 01/4/2026 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: xóm 10, xã C, tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0370780098xx; Cấp ngày 05/11/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1 (đã chết) và bà Hoàng Thị H; có vợ là Đoàn Thị N và có 01 con; tiền án: Bản án số 70/2013/HSST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 năm tù và 200.000đ án phí về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 31/3/2014 chấp hành xong án phí, ngày 16/10/2024 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1956; nơi cư trú: xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Ông V Văn V, sinh năm 1954; nơi cư trú: xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Ông V Văn T2, sinh năm 1974; nơi cư trú: xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Chị V Thị K, sinh năm 1977; nơi cư trú: xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh V Văn K1, sinh năm 1979; nơi cư trú: xã I, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Chị V Thị H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: xã I, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, ông T2, anh K1 và chị H2: Chị V Thị K, sinh năm 1977; nơi cư trú: xóm 5, xã K, tỉnh Ninh Bình (Giấy ủy quyền ngày 08/9/2025) vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Chị Bùi Thị K4, sinh năm 1980; nơi cư trú: xóm A 4, xã K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình K2, ông Nguyễn Văn K3, bà Nguyễn Thị G, anh Ngô Văn S, chị Đoàn Thị N và chị Trịnh Thị Hoàng H3; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T là người không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khoảng 18 giờ 45 ngày 30/8/2025, Bùi Văn T điều khiển xe mô tô BKS 35B1-125.17 lưu thông trên đường Quốc lộ 10 theo hướng xã K đi xã K3 Nhạc, tỉnh Ninh Bình, lúc này trời tối, có mưa, tầm nhìn bị hạn chế, khi T đi đến Km160+500 thuộc xóm A 4, xã K, tỉnh Ninh Bình do không chú ý quan sát và đảm bảo tốc độ nên T không quan sát thấy bà Phạm Thị H1 sinh năm 1956 trú tại xóm A 5, xã K, tỉnh Ninh Bình đang điều khiển xe đạp mi ni đi cùng chiều phía trước, khi cách xe bà H1 khoảng 05m T mới phát hiện ra nên đã bóp phanh và đánh lái sang bên phải để tránh. Do khoảng cách gần nên phần càng trước bên trái xe mô tô do T điều khiển đã va chạm vào mặt và đầu phía ngoài bàn đạp bên phải của xe đạp làm hai xe và người ngã đổ ra đường. Bà H1 bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình, đến ngày 03/9/2025 thì tử vong, T bị thương nhẹ nhưng không điều trị tại cơ sở y tế, 02 phương tiện hư hỏng nhẹ.

Sau khi tai nạn giao thông xảy ra cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra tai nạn; khám nghiệm phương tiện có liên quan đến tai nạn giao thông là xe mô tô biển số 35B1- 125.17 và 01 xe đạp mi ni; tiến hành khám nghiệm tử thi qua hồ sơ.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông trên Quốc lộ 10 đoạn Km160 + 500 thuộc xóm A 4, xã K, tỉnh Ninh Bình. Mặt đường được trải bê tông nhựa bằng phẳng có chiều rộng là 11m. Là đường hai chiều hướng xã K đi xã K, tỉnh Ninh Bình và ngược lại. Đường thẳng không bị che khuất tầm nhìn, theo chiều từ xã K đi xã K, bên phải đường tiếp giáp với nhà dân, bên trái đường tiếp giáp với kênh nước có rào chắn bằng sắt, giữa đường có vạch S màu vàng nét đứt chia đôi hai chiều đường đi. Hai chiều đường có vạch S màu trắng nét đứt phân chia làm hai làn đường đi. Theo chiều đường từ xã K đi xã K làn phía ngoài có chiều rộng là 3,5m, làn phía trong có chiều rộng là 2m.

Trên xe mô tô biển số 35B1- 125.17 và xe đạp mi ni có dấu vết phù hợp do va chạm với nhau. Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt trước càng trước bên trái xe mô tô biển số 35B1- 125.17 tại vị trí dấu vết tì mài, bám dính dị vật màu đen kích thước(13x2)cm phù hợp va chạm với mặt và đầu mút ngoài bàn đạp bên phải xe đạp. Ngay trước khi xảy ra va chạm, mô tô biển số 35B1- 125.17 và xe đạp có hướng chuyển động cùng chiều.

Kết quả đo nồng độ cồn, ma túy: Biên bản đo nồng độ cồn, ma túy đối với Bùi

Văn T. Kết quả: 0,000mg/L; Âm tính với chất ma túy.

Kết quả điều tra, qua tra cứu hệ thống phần mềm quản lý giấy phép lái xe của Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Ninh Bình xác định không có dữ liệu giấy phép lái xe của Bùi Văn T.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi qua hồ sơ số 840/KL-KTHS ngày 26/9/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình kết luận Nguyên nhân chết của bà Phạm Thị H1 là: Chấn thương sọ não.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Ninh Bình kết luận: Xe mô tô biển số 35B1-125.17 giá trị thiệt hại là 1.200.000 đồng; Xe đạp mi ni thiệt hại là 610.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-KV4 ngày 13/3/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khu vực 4 - Ninh Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm h, khoản 1, Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi bị truy tố, xét xử là đúng như nội dung của Cáo trạng; bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bản tự khai và tại phiên tòa; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; dấu vết hiện trường, phương tiện liên quan đến tai nạn; phù hợp với kết luận giám định tử thi cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 45 ngày 30/8/2025, Bùi Văn T không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 35B1-125.17 lưu thông trên đường Quốc lộ 10 theo hướng xã K đi xã K, tỉnh Ninh Bình, khi đi đến Km160+500 thuộc xóm A 4, xã K, tỉnh Ninh Bình do không chú ý quan sát và đảm bảo tốc độ nên càng trước bên trái xe mô tô do T điều khiển đã va chạm vào mặt và đầu phía ngoài bàn đạp bên phải của xe đạp do bà Phạm Thị H1 điều khiển đi cùng chiều phía trước, đã vi phạm khoản 1, khoản 28 Điều 9; khoản 1, Điều 10; điểm m, khoản 3, Điều 12 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ; gây hậu quả làm bà Phạm Thị H1 tử vong và làm hư hỏng xe đạp mi ni bị thiệt hại là 610.000 đồng; xe mô tô

biển số 35B1- 125.17 bị thiệt hại là 1.200.000 đồng. Hành vi của Bùi Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a. Làm chết người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm

a, Không có giấy phép lái xe theo quy định;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nay chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố đẻ bị cáo là thương binh hạng 4 và bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nên cần áp dụng hình phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời hạn nhất định. Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng, đủ để giáo dục cải tạo bị cáo và đảm bảo tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo không hành nghề hoặc làm công việc lái xe ô tô, nên không cần phải cấm bị cáo hành nghề hoặc làm công việc lái xe ô tô.

Đối với chị Bùi Thị K4 là chủ sở hữu của xe mô tô biển số 35B1-125.17, ngày 30/8/2025 chị K4 để xe và chìa khóa xe ở nhà mình; bị cáo T tự ý lấy xe của chị đi mà không hỏi ý kiến và chị cũng không biết việc làm của T, nên Cơ quan Công an không xem xét xử lý hành vi “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” đối với chị K4.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000 đồng, đại diện gia đình bị hại đã nhận số tiền trên và không có đề nghị

gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 35B1- 125.17 và giấy đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Bùi Thị K4 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với xe đạp mi ni, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị V Thị K là người đại diện hợp pháp của bị hại.

[6] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 37 (Ba mươi bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình.
- Bị cáo, người có QLNV liên quan.
- Người đại diện hợp pháp của bị hại.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Hữu Ý